

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hằng;
- Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 09/9/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hồ Thị Kim T, sinh năm 1986, có mặt;
2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1981, có mặt.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Hồ Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2002, chị và anh Q tiến đến hôn nhân, đến năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, sau khi kết hôn sống với gia đình chồng được hơn một năm thì vợ chồng cất nhà ở riêng. Thời

gian đầu chung sống hạnh phúc, có hai con chung, kể từ năm 2015, anh Q không còn quan tâm đến vợ con nữa, thường xuyên rượu chè, khi về nhà thì dùng lời lẽ xúc phạm chị, còn đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên chị đã làm đơn xin ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải thì anh Q đã thể hiện ăn năn, nhận lỗi nên chị đã tha thứ và rút đơn khởi kiện. Nhưng khi vợ chồng quay về chung sống lại thì anh Q tính nào, tật ấy không sửa đổi, còn hung hăng hơn nữa, hăm dọa chị đủ điều. Nay chị kiên quyết xin ly hôn anh Trần Văn Q.

Về quan hệ con chung: chị và anh Q có hai đứa con chung tên Trần Vũ K, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Hồ Ngọc T, sinh ngày 25/8/2012. Khi ly hôn chị theo nguyện vọng của các con, nếu con sống với chị thì chị nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

2. Bị đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2002, anh và chị Kim T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, sau khi kết hôn sống với gia đình anh được hơn một năm thì vợ chồng cát nhà ở riêng. Quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, do anh thường có rượu chè, về nhà không kiểm chế được bản thân nên không biết làm gì có lỗi với vợ nên vợ giận đã làm đơn xin ly hôn, sau đó Tòa án giải quyết đoàn tụ, vợ rút đơn kiện. Vợ chồng quay về chung sống lại, cũng do lỗi của anh uống rượu đối xử không tốt với vợ nên lần này vợ tiếp tục xin ly hôn. Do anh còn thương, vợ thương con anh xin được đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ không uống rượu nữa.

Về con chung: Đúng như Kim T trình bày có hai đứa con chung tên Trần Vũ K, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Hồ Ngọc T, sinh ngày 25/8/2012. Hiện cháu Ngọc T do anh đang nuôi dưỡng, còn K đã đi làm với ông bà nội trên thành phố Hồ Chí Minh. Nếu ly hôn, anh xin quyền nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung thì không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa chị T với anh Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn, do anh Q thường xuyên nhậu rồi đánh vợ, dùng dao đâm dọa làm cho chị T sống trong nỗi lo sợ, không yên tâm. Xét mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: chị T và anh Q có hai đứa con chung tên Trần Vũ K, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Hồ Ngọc T, sinh ngày 25/8/2012. Cháu K có nguyện vọng sống với mẹ là chị T, cháu Ngọc T có nguyện vọng sống với anh Q nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Ngọc T cho anh Q nuôi dưỡng;

Về quan hệ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị T, anh Q được xác lập vào năm 2002, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hồ Thị Kim T và anh Trần Văn Q được xác lập vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tịnh Biên theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của

của chị T, anh Q và theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị T, anh Q có mâu thuẫn, do anh Q uống rượu về không kiểm chế được bản thân vi phạm về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, anh thừa nhận mình đã từng dùng dao đâm dọa vợ. Mặc khác, trong năm 2018, chị T đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ, chị T rút đơn, cuộc sống hôn nhân sau khi đoàn tụ cũng không khắc phục được mâu thuẫn, tại phiên tòa hôm nay, chị T kiên quyết xin ly hôn, điều này chứng minh cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị T và anh Q xác định có hai đứa con chung tên Trần Vỹ K, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Hồ Ngọc T, sinh ngày 25/8/2012. Khi ly hôn chị T theo nguyện vọng của con; anh Q thì xin quyền nuôi con. Theo Điều 92 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn thì “.... Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; nếu không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ chín tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Q không thoả thuận được người trực tiếp nuôi con; cháu K có nguyện vọng sống với mẹ; cháu Ngọc T có nguyện vọng sống với cha. Để đảm bảo điều kiện mọi mặt, ổn định tâm lý của các cháu, môi trường học nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của hai đứa con chung, giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc T cho anh Q nuôi dưỡng.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi con của chị T, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị T, anh Q không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Trần Hồ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Trần Văn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Hồ Thị Kim T

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Hồ Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao con chung tên Trần Võ K, sinh ngày 30/12/2002 cho chị Trần Hồ Thị Kim T nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Giao con chung tên Trần Hồ Ngọc T, sinh ngày 25/8/2012 cho anh Trần Văn Q nuôi dưỡng. Chị Trần Hồ Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014471 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 07 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thị xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú